

Bản án số 144/2024/HSST
Ngày 30.9.2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Công Chi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 129/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 132/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Trọng N - sinh ngày 10 tháng 01 năm 1996 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Tổ A, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng L (Sinh năm 1966) và bà Lê Thị N1 (Sinh năm 1972), có vợ là Lê Thị Bích H (Sinh năm 1993, đã ly hôn) và 01 con (Sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 08 tháng 8 năm 2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2014/HSST; hiện đang bị tạm giam trong vụ án trên, (Có mặt).

- **Bị hại:**

+ Anh Hồ Văn Nhật P - sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (Vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Diễm M - sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (Vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:** Chị Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, (Vắng mặt, có Đơn

xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 3 năm 2023 đến đầu tháng 4 năm 2023, anh Hồ Văn Nhật P và chị Nguyễn Thị Thanh T có quan hệ tình cảm với nhau, nhưng anh P không nói tên thật mà sử dụng tên là Lê Duy H1. Chị T nghi có thai nên đã thông báo cho anh Lê Duy H1 (*Thực tế là anh P*) biết. Tuy nhiên, anh P dừng liên lạc với chị T. Chị T nhiều lần tìm gặp nhưng không được nên đã sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Thị Thùy T1” của mình để đăng bài viết trên mạng xã hội liên quan đến việc mình đang có thai và các thông tin liên quan đến người tên Lê Duy H1 nhằm chia sẻ thông tin và mong muốn tìm gặp để giải quyết chuyện tình cảm.

Lê Trọng N là người sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Doanh” phát hiện thông tin chị T1 đăng bài nên đã liên hệ với chị T1 và nói sẽ giúp tìm người tên Lê Duy H1, không lấy tiền công.

Chị T1 đã cung cấp thông tin của anh Hồ Văn N2 P gồm: Tên Lê Duy H1, địa chỉ nơi ở, công việc, hình ảnh và nội dung chuyện quan hệ tình cảm giữa chị T1 với anh P cho Lê Trọng N biết và nhờ N giúp tìm để giải quyết chuyện tình cảm. Sau đó, Lê Trọng N sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Doanh” đăng các bài viết liên quan đến người tên Lê Duy H1 (Hồ Văn Nhật P) với nội dung người này có quan hệ tình cảm với chị T1, làm cho chị T1 mang thai rồi chối bỏ trách nhiệm và yêu cầu chị T1 phá thai, kèm hình ảnh của anh P đưa lên các trang mạng xã hội facebook: “Lang thang Đà Nẵng”, “Hóng tin tức Đà Nẵng”, “Phòng trọ H - L - Đà Nẵng”, “Chợ Hòa Khánh Đà N3”.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, chị Nguyễn Thị Diễm M - là vợ sắp cưới của anh Hồ Văn N2 P phát hiện trên tài khoản facebook “Nguyễn Doanh” đăng tải thông tin trên các trang mạng xã hội gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của người tên Lê Duy H1 nhưng kèm theo hình ảnh là của anh Hồ Văn N2 P. Do lo sợ ảnh hưởng đến uy tín chồng sắp cưới nên chị M đã chủ động sử dụng tài khoản facebook “Diễm M” liên hệ với Lê Trọng N để đề nghị gỡ bài đăng. N yêu cầu chị M cung cấp các thông tin về số điện thoại, chỗ ở, nơi làm việc của chị M và anh P để N liên hệ gặp nói chuyện. Cùng ngày, N sử dụng số điện thoại 0935387946 liên hệ với anh P và chị M để hẹn gặp nói chuyện gỡ các bài đã đăng. Anh P và chị M hẹn gặp nhau tại Thừa Thiên Huế. Tại điểm hẹn, trong lúc đang nói chuyện thì N bỏ đi. Ngày 14 tháng 4 năm 2023, N tiếp tục tìm đến nơi ở của anh P tại địa chỉ số B H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để yêu cầu gặp anh P nhưng không gặp được. N gọi điện vào số điện thoại của anh P có lời lẽ đe dọa, uy hiếp về tinh thần, yêu cầu anh P gặp N để nói chuyện, không thì sẽ không gỡ bài và không để anh P yên. Ngày 15 tháng 4 năm 2024, N tiếp tục liên lạc uy hiếp, gây sức ép để anh P và chị M hẹn gặp nói chuyện.

N đã thông báo cho chị T1 biết thông tin người có tên Lê Duy H1 là anh Hồ Văn Nhật P. Trước khi gặp anh P và chị M, N đã hướng dẫn chị T1 nói qua điện thoại, yêu

cầu anh P và chị M phải bồi thường tiền cho chị T1 do anh P chối bỏ trách nhiệm làm chị T1 có thai. Mong muốn gặp anh P để nói chuyện tình cảm, chị T1 đã thực hiện theo hướng dẫn của N.

Chiều ngày 16 tháng 4 năm 2023, anh P và chị M đến quán C1, thuộc khu B, quận H, thành phố Đà Nẵng theo yêu cầu hẹn gặp của N. Tại đây, N đưa ra thông tin chị T1 mang thai với anh P, nhưng không muốn gặp trực tiếp anh P và chị M nên nhờ N thay mặt đứng ra giải quyết việc liên quan đến chuyện tình cảm. N liên lạc bằng điện thoại để chị T1 nói chuyện với anh P và chị M. N yêu cầu anh P và chị M phải đưa số tiền để bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), gồm: Bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần, chi phí nằm viện phá thai và tiền để gỡ các bài đã đăng liên quan đến chuyện tình cảm của anh P và chị T1. Mong muốn gặp chị T1 để xác nhận số tiền yêu cầu bồi thường, anh P và chị M yêu cầu gặp và N đã liên lạc bằng điện thoại để chị T1 nói chuyện với anh P, chị M. Do được hướng dẫn từ trước, qua điện thoại, chị T1 nói số tiền yêu cầu bồi thường là 30.000.000 đồng và đồng ý mọi việc do N giải quyết. Sau đó, N yêu cầu anh P giao tiền cho N.

Tại đây, anh P đưa trước cho N số tiền mặt 2.150.000 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*) và N có viết giấy xác nhận việc nhận tiền. Đến tối cùng ngày, N tiếp tục gọi điện gây sức ép nên anh P chuyển tiếp số tiền 10.530.000 đồng (*Mười triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng*) từ tài khoản ngân hàng S tên Hồ Văn Nhật P thuộc Ngân hàng TMCP N5 đến tài khoản số 56010001085400 tên Lê Trọng N thuộc Ngân hàng TMCP Đ (B1) cho N.

Do muốn xác nhận việc chị T1 có thai là đúng nên chị Nguyễn Thị Diễm M đã đề nghị N cung cấp hình ảnh giấy khám thai của chị T1 rồi sẽ chuyển tiền tiếp. N yêu cầu chị T1 giao giấy kết quả khám thai cho N. Chị T1 đưa giấy khám thai của mình cho N với kết quả là không có thai. Ngày 20 tháng 4 năm 2023, N liên hệ với chị M cung cấp giấy khám thai của chị T1. Khi thấy hình ảnh giấy khám thai do N cung cấp, vì lo sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của anh P nên chị M đã chuyển thêm số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) vào số tài khoản số 56010001085400 thuộc ngân hàng Đ của N.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, chị Trang chủ đ liên hệ gặp chị M để nói chuyện thì mới biết việc anh P và chị M đã giao số tiền tổng cộng 17.680.000 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*) cho N. T1 nói với chị M dừng việc chuyển tiền cho N vì bản thân chị T1 không yêu cầu N thực hiện việc uy hiếp anh P và chị M để nhận tiền.

Quá trình điều tra, N khai nhận sau khi chiếm đoạt số tiền 17.680.000 đồng đã đưa 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) cho chị T1 bằng hình thức đưa tiền mặt là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng từ tài khoản ngân hàng S1 thuộc ngân hàng Đ - Chi nhánh H2, chủ tài khoản tên Lê Trọng N đến tài khoản ngân hàng chị T1 tại Ngân hàng TMCP Q1 (M2), nhưng không xác định rõ số tài khoản, 02 lần chuyển, mỗi lần 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*). Số tiền chiếm đoạt còn lại thì N dùng tiêu xài cá nhân. Quá trình điều tra, thu thập các tài liệu không có cơ sở xác định việc N có đưa tiền mặt và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho chị T1.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L ra Quyết định trưng cầu giám định số 544/YC-ĐCSHS giám định chữ viết và chữ ký mang tên Lê

Trọng N trên tờ giấy cam kết ghi vào ngày 16 tháng 4 năm 2023. Ngày 02 tháng 5 năm 2024, Phòng K Công an thành phố Đ ra Kết luận giám định số 335/KL-KTHS đối với chữ viết và chữ ký mang tên Lê Trọng N trên mẫu cần giám định so với các mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra.

* Tang vật thu giữ: 01 (Một) USB loại 08GB, trên USB có dòng chữ “DTSE9”, bên trong có 03 (Ba) file ghi âm do anh Hồ Văn N2 P giao nộp, được bỏ trong một phong bì màu trắng dán kín, niêm phong có đóng dấu tròn màu đỏ và chữ ký của những người tham gia niêm phong.

* Về dân sự: Anh Hồ Văn Nhật P đã nhận số tiền khắc phục hậu quả là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) từ gia đình của Lê Trọng N. Anh P và chị M1 yêu cầu Lê Trọng N tiếp tục bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại.

Tại Cáo trạng số 92/CT-VKS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố Lê Trọng N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền bị chiếm đoạt còn lại.

Bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn trình bày ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.680.000 đồng, trừ số tiền 2.000.000 đồng đã nhận, còn số tiền 10.680.000 đồng. Chị M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, xin lỗi các bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trọng N đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong tháng 4 năm 2023, Lê Trọng N đã có hành vi sử dụng tài khoản Facebook đăng các nội dung liên quan đến chuyện tình cảm và hình ảnh cá nhân của anh Hồ Văn N2 P lên mạng xã hội, uy hiếp về tinh thần đối với anh Hồ Văn Nhật P và chị Nguyễn Thị Diễm M, là vợ sắp cưới của anh P, để chiếm đoạt của anh P số tiền 12.680.000 đồng (*Mười hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*) và của chị M số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 17.680.000 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*).

[3] Hành vi của bị cáo đã phạm tội tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng số 92/CT-VKS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương. Đọc được thông tin do chị Nguyễn Thị Thanh T đăng ở mạng xã hội facebook về việc tìm người có thông tin cá nhân Lê Duy H1 (*Tên thật là Hồ Văn Nhật P*) để nói chuyện tình cảm, Lê Trọng N đã chủ động liên hệ đề nghị giúp đỡ chị T tìm Lê Duy H1 không nhận tiền công. Sau đó, N đã đăng hình ảnh của anh P, hình ảnh que thử thai và thông tin làm người khác có thai, rồi trốn tránh trách nhiệm vào các trang: “Lang thang Đà Nẵng”, “Hóng tin tức Đà Nẵng”, “Phòng trọ H - L -Đà Nẵng”, “Chợ Hòa Khánh Đà N3”. Khi chị Nguyễn Thị Diễm M liên lạc yêu cầu gỡ bài thì N liên tục đe dọa để chị M cung cấp thông tin nơi cư trú, số điện thoại của anh P. Có được thông tin, N điện thoại đe dọa, yêu cầu anh P gặp mặt và chiếm đoạt tiền của anh P, chị M1.

Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền 03 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 08 tháng 8 năm 2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 01 (*Một*) năm 03 (*Ba*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2014/HSST do thực hiện hành vi phạm tội ngày 11 tháng 10 năm 2022.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án.

Quá trình tố tụng, bị cáo đã ăn năn hối cải nên thành khẩn khai báo, ân hận với lỗi lầm; xin lỗi các bị hại và hứa không tiếp tục vi phạm pháp luật. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại - anh Hồ Văn N2 P số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Anh P và chị M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo.

[7] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị là phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 12.680.000 đồng, đã nhận bồi thường 2.000.000 đồng, còn số tiền 10.680.000 đồng. Chị M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, tuyên buộc bị cáo trả bồi thường các bị hại số tiền trên.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) USB loại 08GB, trên USB có dòng chữ “DTSE9”, là chứng cứ của vụ án nên tuyên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[10] Đối với chị Nguyễn Thị Thanh T: Xuất phát từ việc bị người yêu chối bỏ trách nhiệm khi nghi ngờ có thai nên chị T đăng bài trên mạng xã hội để tìm anh P. Bị cáo chủ động liên hệ chị T để nhận giúp tìm anh P không nhận thù lao. Chị T không yêu cầu bị cáo tìm anh P để đe dọa, lấy tài sản. Khi đã tìm được anh P, bị cáo hướng dẫn cho chị T yêu cầu anh P bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo khai sau khi chiếm đoạt được số tiền 17.680.000 đồng của anh P và chị M thì N đã đưa số tiền 16.000.000 đồng cho chị T bằng hình thức trực tiếp đưa tiền mặt 15.000.000 đồng trong 03 lần và chuyển tiền qua tài khoản N4 hành TMCP Quân đội của chị T 02 lần, mỗi lần chuyển 500.000 đồng. Tuy nhiên, chị T không thừa nhận và không chứng minh được việc chị T nhận tiền từ bị cáo.

Tại phiên toà ngày 29 tháng 8 năm 2024, qua công bố nội dung đoạn ghi âm tại USB có dòng chữ “DTSE9”, màu bạc, tên “Ghi âm gặp mặt viết giấy cam kết 30 triệu”, thể hiện: Chị T đồng ý mọi việc giao bị cáo giải quyết. Khi bị cáo hỏi chị T: “Em đồng ý bên vợ chồng anh P trả tiền 12 triệu mấy cho anh không? Chị T trả lời: “...sao cũng được”. Cho thấy, chị T đã thể hiện ý chí đồng ý để vợ chồng anh P đưa tiền cho bị cáo. Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để xem xét vai trò đồng phạm của Nguyễn Thị Thanh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng số 92/CT-VKS ngày 13 tháng 6 năm 2024.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 15.680.000 đồng x 5% = 784.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Lê Trọng N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;
- Xử phạt bị cáo Lê Trọng N 02 (Hai) năm tù.

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2014/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Buộc bị cáo N chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Trọng N bồi thường cho anh Hồ Văn N2 P số tiền 10.680.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*) và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Diễm M số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (Một) USB loại 08GB, trên USB có dòng chữ “DTSE9”, bên trong có 03 (Ba) file ghi âm do anh Hồ Văn N2 P giao nộp, được bỏ trong một phong bì màu trắng dán kín, niêm phong có đóng dấu tròn màu đỏ và chữ ký của những người tham gia niêm phong.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 784.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA. quận Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp TP.Đà Nẵng;
- Nhà tạm giữ Công an quận Liên Chiểu;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Điện Bàn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Thủy